

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20.6.2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang Sơn và ông Phạm Hữu Ái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Chí Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 79/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024, về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXX- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trình Uy C, sinh năm: 1968. Địa chỉ: Thôn E, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Thôn E, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Trình Uy C trình bày: Giữa ông và bà Bùi Thị T tự nguyện sống chung từ năm 1989 nhưng đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H vào ngày 14/9/2007. Trong thời gian chung sống thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống về nhiều vấn đề khác nhau. Mặc dù, ông đã cố gắng nhẫn nhịn để hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên không thể tiếp tục chung sống được. Nay ông Trình Uy C đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bùi Thị T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông có 02 con chung là Trình Quốc V, sinh ngày 04/02/1991 và Trình Ngọc Thảo L, sinh ngày 19/3/1993. Các con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Ông [Trình Uy C](#) tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*** Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là bà [Bùi Thị T](#) trình bày:** Bà thống nhất với trình bày của nguyên đơn, vợ chồng bà tự nguyện sống chung từ năm 1989 nhưng đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại [UBND xã T, huyện H](#). Trong thời gian chung sống thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống về nhiều vấn đề khác nhau. Nay chồng bà đã cương quyết ly hôn thì bà đồng ý ly hôn với ông [Trình Uy C](#). Tuy nhiên, do vợ chồng bà chưa giải quyết việc chia tài sản chung nên bà không đồng ý ký vào biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn.

Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà [Bùi Thị T](#) yêu cầu giải quyết việc chia tài sản chung xong thì bà mới đồng ý ly hôn.

Về án phí: Theo quy định pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, thấy rằng giữa ông [Trình Uy C](#) với bà [Bùi Thị T](#) tự nguyện sống chung từ năm 1989 nhưng đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại [UBND xã T, huyện H](#) vào ngày 14/9/2007. Trong thời gian chung sống thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống về nhiều vấn đề khác nhau. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy;

[1] *Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án:* Hội đồng xét xử thấy rằng đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xác định: Giữa ông [Trình Uy C](#) với bà [Bùi Thị T](#) tự nguyện sống chung từ năm 1989 nhưng đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại [UBND xã T, huyện H](#) vào ngày 14/9/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông [Trình Uy C](#) với bà [Bùi Thị T](#) đều thừa nhận giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống về nhiều vấn đề khác nhau. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của ông [Trình Uy C](#) và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về lý do mà bị đơn là bà [Bùi Thị T](#) không đồng ý ly hôn, không ký vào biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn là do vợ chồng bà chưa giải quyết việc chia tài sản chung nhưng bà không có đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng nên không xem xét giải quyết yêu cầu này của bà [T](#). Đồng thời, việc giải quyết ly hôn không ảnh hưởng đến việc chia tài sản chung của vợ chồng nên lý do không đồng ý ly hôn của bà [T](#) là không có căn cứ pháp lý để chấp nhận. Trường hợp sau khi ly hôn mà vợ chồng không tự thỏa thuận chia tài sản chung được thì bà [T](#) vẫn có quyền khởi kiện để chia tài sản chung sau khi ly hôn.

[3]. *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng ông [Trình Uy C](#) với bà [Bùi Thị T](#) có 02 con chung là [Trình Quốc V](#), sinh ngày 04/02/1991 và [Trình Ngọc Thảo L](#), sinh ngày 19/3/1993. Các con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về chia tài sản và nợ chung:* Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Ông [Trình Uy C](#) phải chịu án phí theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [Trình Uy C](#).

Về hôn nhân: Ông [Trình Uy C](#) được ly hôn với bà [Bùi Thị T](#).

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Ông [Trình Uy C](#) phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0010691 ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

3. Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- THA dân sự huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đình Khương